



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên độc lập của PrimeGlobal





**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2023 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 39.779.360.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2024: 39.779.360.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Lô đất C1 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách – Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm cuối năm tài chính là 341 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Đình Gia Lê | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/08/2024 |
| | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 Miễn nhiệm ngày 08/08/2024
• Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
• Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
• Ông Phạm Huy Phong	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023

Ban kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
• Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
• Ông Vũ Đức Tính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2022
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2021
• Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 17/07/2024
• Ông Nguyễn Văn Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 495/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 26/03/2025 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Ngọc Viễn – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4868-2024-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.343.991.233	133.207.366.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.033.609.652	39.344.466.716
1. Tiền	111		17.033.609.652	13.344.466.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	26.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55.750.000.000	12.750.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.b	55.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.567.617.874	33.546.798.458
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	33.328.142.262	26.401.673.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	644.667.230	3.689.815.181
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	3.820.335.224	4.517.181.461
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.225.526.842)	(1.061.871.735)
IV. Hàng tồn kho	140	11	33.356.269.894	42.426.743.706
1. Hàng tồn kho	141		33.356.269.894	42.426.743.706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.636.493.813	5.139.358.027
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	2.636.493.813	4.373.551.158
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	765.806.869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.526.732.228	29.040.609.494
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.761.076.700	4.600.272.375
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	4.761.076.700	4.600.272.375
II. Tài sản cố định	220		17.233.791.751	18.153.178.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.232.669.703	16.943.630.556
- Nguyên giá	222		35.755.003.558	35.351.221.012
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.522.333.855)	(18.407.590.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.001.122.048	1.209.547.657
- Nguyên giá	228		3.269.697.277	2.716.697.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.268.575.229)	(1.507.149.620)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.500.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		265.500.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.266.363.777	6.287.158.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	4.266.363.777	6.287.158.906
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		174.870.723.461	162.247.976.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		91.688.824.746	84.214.754.129
I. Nợ ngắn hạn	310		91.688.824.746	84.214.754.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	47.169.459.963	43.626.578.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	423.248.761	708.729.429
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.611.093.571	3.149.870.421
4. Phải trả người lao động	314		29.410.213.550	31.099.281.638
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.620.066.487	2.983.550.945
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.454.742.414	2.646.743.499
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.181.898.715	78.033.222.272
I. Vốn chủ sở hữu	410		83.181.898.715	78.033.222.272
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	29.440.596.237	24.022.052.102
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	13.961.942.478	14.231.810.170
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.961.942.478	14.231.810.170
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		174.870.723.461	162.247.976.401

Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG
Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	412.293.682.419	431.661.958.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		412.293.682.419	431.661.958.216
4. Giá vốn hàng bán	11	22	271.765.314.978	289.735.168.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		140.528.367.441	141.926.789.872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.953.740.155	1.604.648.768
7. Chi phí tài chính	22		259.540.220	319.821.018
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	104.276.202.289	103.836.866.327
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	20.226.995.924	20.917.595.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.719.369.163	18.457.155.544
11. Thu nhập khác	31		57.032.693	26.766.778
12. Chi phí khác	32	25	212.612.766	312.952.595
13. Lợi nhuận khác	40		(155.580.073)	(286.185.817)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.563.789.090	18.170.969.727
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.601.846.612	3.939.159.557
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.961.942.478	14.231.810.170
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.808	2.862
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	2.808	2.862



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.563.789.090	18.170.969.727
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13;14	1.882.317.493	2.021.807.160
- Các khoản dự phòng	03	10;11	163.655.107	(633.813.588)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23;25	(1.479.644.392)	(990.693.097)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		18.130.117.298	18.568.270.202
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.537.439.102)	8.326.003.683
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.070.473.812	11.541.099.431
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		5.624.220.488	(6.112.848.049)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.757.852.474	1.964.765.091
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(3.545.742.478)	(4.036.641.495)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.038.363.120)	(1.758.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.461.119.372	28.492.648.863
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.330.171.046)	(645.987.878)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(43.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	5.344.705.005
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9;23	1.539.351.530	886.703.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.790.819.516)	5.585.420.574
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18;19	(5.981.156.920)	(5.971.017.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.981.156.920)	(5.971.017.690)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.310.857.064)	28.107.051.747
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	39.344.466.716	11.237.414.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	20.033.609.652	39.344.466.716



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời
với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2023 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách – Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	5
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, Công ty áp dụng mức thuế suất 8% đối với các mặt hàng này theo Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	109.749.043	75.408.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.923.860.609	13.269.058.060
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	3.000.000.000	26.000.000.000
Cộng	20.033.609.652	39.344.466.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB	750.000.000	1.162.500.000	-	750.000.000	967.500.000	-
Giáo dục Hà Nội (*)						
Cộng	750.000.000	1.162.500.000	-	750.000.000	967.500.000	-

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (mã chứng khoán EPH) thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng	55.000.000.000	55.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	55.000.000.000	55.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 12 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Giáo dục Bili Việt Nam	7.027.788.297	1.189.703.567
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	6.877.851.014	3.387.549.037
Công ty CP Sách và TBTH Gia Lai	1.008.749.680	1.757.664.160
Các đối tượng khác	18.413.753.271	20.066.756.787
Cộng	33.328.142.262	26.401.673.551

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	776.821.912
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	548.893.579	2.915.748.015
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	ĐVTT Công ty đầu tư	-	6.500.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư	-	7.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	256.563.518
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kinh doanh Toàn Cầu	175.824.000	117.164.000
Các đối tượng khác	212.279.712	3.316.087.663
Cộng	644.667.230	3.689.815.181

9. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	247.054.795	-	205.021.918	-
Tạm ứng	536.791.406	-	4.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.122.385.000	-	2.148.034.325	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	717.358.500	-	693.365.888	-
Phải thu khác	196.745.523	-	1.466.259.330	-
Cộng	3.820.335.224	-	4.517.181.461	-

b. Dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.761.076.700	-	4.600.272.375	-
Cộng	4.761.076.700	-	4.600.272.375	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi**a. Ngắn hạn**

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu kỳ	(1.061.871.735)	(619.423.979)
Trích lập dự phòng tăng trong kỳ	(163.655.107)	(442.447.756)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Giảm dự phòng do xử lý nợ trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(1.225.526.842)	(1.061.871.735)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP PHS TP. HCM - Fahasa	315.619.993	157.809.997	Từ 1-2 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	1.862.778.093	795.061.248	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	2.178.398.086	952.871.244		

	01/01/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	329.529.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	1.935.492.466	1.203.149.757	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	2.265.021.492	1.203.149.757		

11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.063.619.695	-	1.615.456.915	-
Thành phẩm	15.868.392.542	-	19.455.401.331	-
Hàng hóa	16.424.257.657	-	10.426.947.035	-
Hàng gửi bán	-	-	10.928.938.425	-
Cộng	33.356.269.894	-	42.426.743.706	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2024.
- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	2.020.980.947	3.042.168.300
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	452.951.453	287.463.545
Các khoản khác	162.561.413	1.043.919.313
Cộng	2.636.493.813	4.373.551.158

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	703.636.671	992.689.551
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng,... chờ phân bổ	2.497.733.333	4.147.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	444.759.699	292.282.082
Các khoản khác	620.234.074	855.187.273
Cộng	4.266.363.777	6.287.158.906

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	18.125.999.284	10.231.373.192	5.608.922.645	1.314.635.003	70.290.888	35.351.221.012
Mua sắm trong kỳ	-	208.294.546	125.114.000	178.262.500	-	511.671.046
Giảm trong kỳ	-	-	-	107.888.500	-	107.888.500
Số cuối kỳ	18.125.999.284	10.439.667.738	5.734.036.645	1.385.009.003	70.290.888	35.755.003.558
Khấu hao						
Số đầu kỳ	2.838.628.198	8.924.704.105	5.446.667.143	1.127.300.122	70.290.888	18.407.590.456
Khấu hao trong kỳ	362.519.988	498.720.579	174.228.776	85.422.541	-	1.120.891.884
Giảm trong kỳ	-	-	-	6.148.485	-	6.148.485
Số cuối kỳ	3.201.148.186	9.423.424.684	5.620.895.919	1.206.574.178	70.290.888	19.522.333.855
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	15.287.371.086	1.306.669.087	162.255.502	187.334.881	-	16.943.630.556
Số cuối kỳ	14.924.851.098	1.016.243.054	113.140.726	178.434.825	-	16.232.669.703

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 14.415.565.743 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	2.716.697.277	2.716.697.277
Tăng trong kỳ	553.000.000	553.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	3.269.697.277	3.269.697.277
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.507.149.620	1.507.149.620
Khấu hao trong kỳ	761.425.609	761.425.609
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.268.575.229	2.268.575.229
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	1.209.547.657	1.209.547.657
Số cuối kỳ	1.001.122.048	1.001.122.048

- Không có TSCĐ vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV In Tiến Bộ	5.341.932.882	1.564.919.748
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	5.040.837.883	2.071.038.081
CN Công ty CP Xuất nhập khẩu Bình Tây	2.225.611.941	2.035.879.471
Các đối tượng khác	34.561.077.257	37.954.740.897
Cộng	47.169.459.963	43.626.578.197

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	30.043.637	82.800.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTTCông ty đầu tư	4.044.820	3.142.945.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhà sách Trí Tuệ Lai Châu	43.703.725	28.607.525
Các đối tượng khác	379.545.036	680.121.904
Cộng	423.248.761	708.729.429

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	765.806.869	-	7.488.217.781	3.657.214.669	-	3.065.196.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.042.581.554	3.601.846.612	3.545.742.478	-	3.098.685.688
Thuế thu nhập cá nhân	-	107.288.867	2.587.965.133	1.248.042.360	-	1.447.211.640
Các loại thuế khác	-	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Cộng	765.806.869	3.149.870.421	13.701.029.526	8.473.999.507	-	7.611.093.571

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	1.630.915.713	2.024.651.273
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.945.250	38.198.170
Phải trả khác	965.205.524	920.701.502
Cộng	2.620.066.487	2.983.550.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	39.779.360.000	19.467.200.684	13.152.194.273	72.398.754.957
Tăng trong năm	-	4.554.851.418	14.231.810.170	18.786.661.588
Giảm trong năm	-	-	13.152.194.273	13.152.194.273
Số dư tại 31/12/2023	39.779.360.000	24.022.052.102	14.231.810.170	78.033.222.272
Số dư tại 01/01/2024	39.779.360.000	24.022.052.102	14.231.810.170	78.033.222.272
Tăng trong năm	-	5.418.544.135	13.961.942.478	19.380.486.613
Giảm trong năm	-	-	14.231.810.170	14.231.810.170
Số dư tại 31/12/2024	39.779.360.000	29.440.596.237	13.961.942.478	83.181.898.715

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
Cổ tức đã chia	5.966.904.000	5.966.904.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	14.231.810.170	13.152.194.273
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	13.961.942.478	14.231.810.170
Phân phối lợi nhuận	14.231.810.170	13.152.194.273
- Phân phối lợi nhuận năm trước	14.231.810.170	13.152.194.273
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.418.544.135	4.554.851.418
+ Trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS	2.846.362.035	2.630.438.855
+ Trả cổ tức bằng tiền	5.966.904.000	5.966.904.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	13.961.942.478	14.231.810.170

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng 5.966.904.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong năm 2024.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	01/01/2024
Hàng hóa nhận ký gửi	31.282.643.885	34.453.605.179

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán sách và các ấn phẩm khác	377.240.311.696	389.844.691.523
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	33.680.862.641	36.324.556.480
Doanh thu khác	1.372.508.082	5.492.710.213
Cộng	412.293.682.419	431.661.958.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn sách và các ấn phẩm khác	250.440.906.337	263.508.579.962
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	21.099.904.986	22.524.234.295
Giá vốn khác	224.503.655	4.778.615.431
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	-	(1.076.261.344)
Cộng	271.765.314.978	289.735.168.344

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.483.884.407	900.693.097
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.500.000	90.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	372.355.748	613.955.671
	1.953.740.155	1.604.648.768

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.692.072.461	2.461.763.191
Chi phí nhân công	52.332.656.923	47.651.148.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.630.741	301.964.090
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	24.323.922.143	24.600.443.528
Các khoản khác	24.604.920.021	28.821.546.821
Cộng	104.276.202.289	103.836.866.327

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	605.857.461	526.849.284
Chi phí nhân công	10.332.681.939	9.820.734.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	945.552.483	1.326.837.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.688.613.773	5.508.385.790
Các khoản khác	5.490.635.161	3.292.341.042
(Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	163.655.107	442.447.756
Cộng	20.226.995.924	20.917.595.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Giá trị còn lại của tài sản cố định hư hỏng	101.740.015	-
Phạt thuế, vi phạm hành chính	74.386.268	97.954.537
Các khoản khác	36.486.483	214.998.058
Cộng	212.612.766	312.952.595

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.563.789.090	18.170.969.727
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	23.022.908	1.046.620.581
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	120.522.908	1.136.620.581
- Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	97.500.000	90.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	17.586.811.998	19.217.590.308
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.601.846.612	3.939.159.557
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.517.362.400	3.843.518.062
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	84.484.212	95.641.495

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.961.942.478	14.231.810.170
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.792.388.496)	(2.846.362.035)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS)	2.792.388.496	2.846.362.035
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.169.553.982	11.385.448.135
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.808	2.862

“Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2024” đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.002.476.565	26.780.747.121
Chi phí nhân công	75.448.571.522	77.268.538.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.882.317.493	2.021.807.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.535.178.913	103.135.911.484
Chi phí khác	15.612.586.244	10.865.458.654
Cộng	204.481.130.737	220.072.463.301

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là phát hành sách và ấn phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, các trường mầm non công lập và ngoài công lập, các giáo viên,... Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	47.169.459.963	-	47.169.459.963
Phải trả khác	989.150.774	-	989.150.774
Cộng	48.158.610.737	-	48.158.610.737
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	43.626.578.197	-	43.626.578.197
Phải trả khác	958.899.672	-	958.899.672
Cộng	44.585.477.869	-	44.585.477.869

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức thấp và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.033.609.652	-	20.033.609.652
Chứng khoán kinh doanh	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Phải thu khách hàng	32.102.615.420	-	32.102.615.420
Phải thu khác	2.566.185.318	4.761.076.700	7.327.262.018
Cộng	110.452.410.390	4.761.076.700	115.213.487.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.344.466.716	-	39.344.466.716
Chứng khoán kinh doanh	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Phải thu khách hàng	25.339.801.816	-	25.339.801.816
Phải thu khác	3.819.315.573	4.600.272.375	8.419.587.948
Cộng	81.253.584.105	4.600.272.375	85.853.856.480

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	ĐVTT Công ty đầu tư
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	ĐVTT Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	433.523.967	841.512.117
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	11.297.240.266	10.881.153.495
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	3.177.300.000	3.095.922.222
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	8.219.078.800	8.187.268.519
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Bán tem, sách	2.189.400.000	2.523.770.459
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	Bán tem, sách	405.651.560	11.500.000
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu đề tài	27.818.182	75.272.728
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	3.290.948.910	3.497.139.887
	Thuê nhà, khác,...	67.800.000	-
	Mua tem mẫu	-	1.014.401.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập thực nhận của Hội đồng quản trị

		Năm 2024	Năm 2023
Ông Đinh Gia Lê	Chủ tịch HĐQT	242.000.000	210.000.000
Ông Lê Hoàng Hải (*)	Chủ tịch HĐQT	-	420.000.000
			551.760.000
Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	178.000.000	210.000.000
Bà Mai Nhị Hà	Ủy viên HĐQT	178.000.000	114.000.000
Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên HĐQT	178.000.000	210.000.000
Ông Phạm Huy Phong	Ủy viên HĐQT	178.000.000	96.000.000

(*) Công ty chưa chi trả thù lao HĐQT năm 2024

d. Tiền lương thực nhận của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	3.182.102.625	3.273.743.507

e. Tiền lương, thù lao thực nhận của Ban Kiểm soát

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát	178.000.000	210.000.000

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 2, số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí,
Phường 25, Quận Bình Thạnh,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3910 2235
Fax: +84 (28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn